

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của Liên đoàn Lao động tỉnh

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 04/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quy định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TU, ngày 26/02/2021 và Thông báo số 91-TB/TU, ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Liên đoàn Lao động tỉnh tại Tờ trình số 06/TTr-LĐLĐ, ngày 23/3/2021 và của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thực hiện từ năm 2021 như sau:

- Số vị trí việc làm: 31.

- Tổ chức bộ máy: Thực hiện theo Quyết định số 1016-QĐ/TU, ngày 04/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Số biên chế tạm giao: 81 (Trong đó bao gồm 03 hợp đồng 68).

- Tỷ lệ ngạch Chuyên viên chính trở lên tạm giao: 44,44% (Tương đương 36 cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính trở lên).

Điều 2. Liên đoàn Lao động tỉnh có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các nội dung điều chỉnh Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong cơ quan; bao gồm các nội dung sau:

1. Rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được điều chỉnh.

2. Thực hiện việc tiếp nhận, tuyển dụng và quản lý công chức, đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức theo quy định.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Liên đoàn Lao động tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- BTC Tỉnh ủy (Phòng TCCB),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn



KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/H -QĐ/TU, ngày 02 tháng 6 năm 2021)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	31	78	3	1	35	42	3	
A	Liên đoàn Lao động tỉnh	25	25	3	1	11	13	3	
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	8	12		1	11			
1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1		1				
1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		3			3			
1.3	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.4	Trưởng các ban (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.5	Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.6	Phó Chánh Văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.7	Phó Trưởng các ban (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.8	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	14	13				13		
2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Công đoàn (Chủ tịch kiêm)		KN		x				
2.2	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (Phó Chủ tịch kiêm)		KN			x			
2.3	Chuyên viên chính công tác tổ chức (Trưởng, phó ban kiêm)		KN			x			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
2.4	Chuyên viên chính công tác Tài chính (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)		KN			x			
2.5	Chuyên viên chính công tác chính sách - Pháp Luật (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)		KN			x			
2.6	Kiểm tra viên chính công tác Kiểm tra (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)		KN			x			
2.7	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo, nữ công (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)		KN			x			
2.8	Theo dõi, tham mưu Văn phòng UBKT (<i>Kiểm</i>)					x			
2.9	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức và thi đua khen thưởng		2				2		
2.10	Theo dõi, tham mưu công tác Kiểm tra		1				1		
2.11	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Nữ công		2				2		
2.12	Theo dõi, tham mưu công tác tài chính, chương trình tài chính vi mô		3				3		
2.13	Theo dõi, tham mưu chính sách - pháp luật		2				2		
2.14	Theo dõi, tham mưu tổng hợp - văn phòng		3				3		
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	3		3				3	
3.1	Văn thư (<i>Kiểm</i>)		KN						
	Lưu trữ (<i>Kiểm</i>)								
3.2	Tạp vụ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)			1				1	
3.3	Lái xe (<i>kiêm HCQT</i>) (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)			2				2	
B	Liên đoàn Lao động huyện, thành phố, Công đoàn ngành và viên chức (Y tế, Giáo dục, NN&PTNT, Viên chức)	6	53			24	29		
4	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành		32			24	8		
4.1	Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	2	16			16			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
4.2	Phó Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)		16			8	8		
5	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2	21				21		
5.1	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (<i>Chủ tịch, phó Chủ tịch kiêm</i>)					x			
5.2	Theo dõi, tham mưu công tác công đoàn, tài chính		21				21		
6	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2							
6.1	Kế toán (<i>Kiểm</i>)		KN						
6.2	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, phục vụ (<i>Kiểm</i>)		KN						